

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 09/2022/HNGĐ-PT  
Ngày: 30 - 6 - 2022  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi  
con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Ngọt

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Văn Tỉnh

Ông Lê Minh Đạt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Sa Riêng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2022/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 01/2022/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Văn Thị Ngọc N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; (có mặt).

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; (có mặt).

**- Người kháng cáo:** Bị đơn anh Nguyễn Đức D.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Văn Thị Ngọc N trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Đức D kết hôn với nhau vào năm 2019 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phú Trung ngày 13/11/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D có tính gia trưởng, anh D luôn cho rằng mọi ý kiến của anh là đúng nên chị cảm thấy cuộc sống ngột ngạt, mất hạnh phúc vợ chồng, ngoài ra anh D có thái độ không tôn trọng gia đình chị. Vợ chồng đã ly thân cách nay khoảng 09 tháng, trong thời gian ly thân hai bên không có biện pháp hòa giải hàn gắn tình cảm. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh D nên chị yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 26/5/2020, khi anh D về nhà mẹ ruột sinh sống thì anh D có ẵm theo cháu K đi mà không có bàn bạc với chị, do cháu K còn quá nhỏ, đang bú sữa mẹ, cháu mới μόí thoát vị bẹn chỉ mới hai tuần nên chị nhiều lần yêu cầu anh D đem cháu K về cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng anh D không đồng ý, mỗi khi chị đến thăm cháu K thì hai bên xảy ra cự cãi, anh D nhấn tin tỏ thái độ không muốn cho chị gặp con. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, chị có đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cháu K. Công việc hiện tại của chị là cho thuê nhà trọ, thu nhập hằng tháng dao động từ 7.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng. Do tính chất công việc của chị là làm tại chỗ nên chị có điều kiện, thời gian để trực tiếp chăm sóc tốt cho con. Mặc dù bà nội của cháu K có thương cháu nhiều như thế nào đi chăng nữa thì việc bà chăm sóc cháu K cũng sẽ không thể nào bằng mẹ của cháu.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N khai không có.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đức D trình bày:*

Anh thống nhất với trình bày của chị N về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn; nhưng về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì anh cho rằng chị N nói anh có tính gia trưởng là không đúng, theo anh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh muốn vợ chồng về sống cùng mẹ ruột của anh ở xã An Phú Trung nhưng chị N không đồng ý, ngoài ra anh không hợp tính với gia đình bên chị N nên anh đã ẵm con chung là cháu K về nhà mẹ ruột của anh sinh sống từ tháng 03/2021 cho đến nay, vợ chồng đã ly thân cách nay khoảng 09 tháng. Nay anh còn thương chị N, nhưng nếu chị N kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 26/5/2020, cháu K hiện do anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, anh có đủ điều kiện nuôi con nên anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Anh là người có trình độ, có bằng cao đẳng điện công nghiệp, công việc hiện tại của anh là lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời, đi điện âm tường nên thu nhập ổn định dao động từ 350.000 đồng đến 500.000 đồng/ngày, anh có mẹ và cậu giúp đỡ anh trong việc chăm sóc cháu K.

Anh không yên tâm để cháu K cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng lý do là vì trước đây chị N đã từng kết hôn và có hai người con chung với người chồng trước, sau khi ly hôn chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng con lớn đang học lớp 10, còn con nhỏ học lớp 7 thì do chồng trước nuôi, tuy nhiên cháu này cũng thường xuyên tới lui với chị N. Như vậy, một lúc phải chăm sóc cho nhiều đứa con, phải lau dọn nhà trọ thì chị N sẽ không có thời gian để chăm sóc tốt cho cháu K.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị N không có nợ chung.

*Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 01/2022/HNGĐ-ST ngày 05/01/2022, Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân huyện Ba Tri quyết định:*

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Văn Thị Ngọc N đối với anh Nguyễn Đức D. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 13/11/2019 của Ủy ban nhân dân xã An Phú Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Văn Thị Ngọc N có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 26/5/2020. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Đức D có quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/01/2022, bị đơn anh Nguyễn Đức D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, anh yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 26/5/2020, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên toà phúc thẩm, anh Nguyễn Đức D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh cho rằng hiện nay anh có chỗ ở và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung, đồng thời cháu K hiện đang sống với anh. Anh chỉ có một người con là cháu K nên tình yêu thương, chăm sóc và mọi vấn đề về giáo dục, vật chất đều dành trọn vẹn cho cháu K để cháu có thể phát triển toàn diện hơn. Anh cho rằng chị N có 02 con chung với chồng trước, do đó một lúc phải chăm sóc nhiều con, việc san sẻ tình cảm, vật chất, giáo dục cho các con sẽ không đầy đủ

bằng việc anh chỉ lo cho một người con, từ đó dẫn đến việc phát triển không đầy đủ cho cháu K cả về thể chất lẫn giáo dục. Hơn nữa, việc kinh doanh nhà trọ của chị N cần nhiều thời gian để tiếp khách, thức khuya, dậy sớm và lau dọn nên chị N không có nhiều thời gian và điều kiện tốt nhất để nuôi dưỡng cháu K.

Chị Văn Thị Ngọc N không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của anh D. Chị yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Anh Nguyễn Đức D kháng cáo một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm (kháng cáo về phần nuôi con chung), anh D yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Xét kháng cáo của anh D thấy rằng: Hiện nay con chung của anh D và chị N là cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 26/5/2020 mới 25 tháng tuổi. Tòa sơ thẩm quyết định cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu K là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử theo hướng: không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đức D; giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên, hiện nay anh D đang nuôi dưỡng cháu K, Tòa sơ thẩm quyết định cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu K nhưng không buộc anh D có nghĩa vụ giao cháu K cho chị N nuôi dưỡng là có sai sót. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh bổ sung cho phù hợp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Văn Thị Ngọc N và anh Nguyễn Đức D tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phú Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/11/2019 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên đã ly thân từ tháng 3 năm 2021 đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Chị N cho rằng hiện nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh D nên có đơn yêu cầu xin ly hôn, anh D cũng đồng ý ly hôn với chị N. Hai bên đều trình bày thống nhất không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh D, chị N được ly hôn với anh D; chị N được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 26/5/2020, ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh D kháng cáo về phần nuôi con chung, anh

không đồng ý cho chị N nuôi con chung, anh yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, quyết định cho anh được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, anh đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Những nội dung khác (về hôn nhân, tài sản chung, nợ chung, về án phí sơ thẩm) các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Đức D thấy rằng: Chị N và anh D đều có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia K, sinh ngày 26/5/2020. Anh D và chị N đều cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện mỗi bên có đủ điều kiện về vật chất để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hiện tại cháu K đang sống cùng anh D, công việc anh D đi làm cả ngày, anh D cho rằng trước đây phải nhờ bà nội trông cháu, nhưng nay anh đã gửi cháu ở nhà trẻ. Chị N thì cho rằng công việc của chị N là làm tại nhà (kinh doanh nhà trọ) nên có điều kiện hơn về thời gian để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con. Anh D cho rằng chị N không có điều kiện để chăm sóc cháu K chu đáo bằng anh vì hiện tại chị N còn phải kinh doanh và chăm sóc hai 02 con chung của chị N và người chồng trước. Tuy nhiên, anh D không có chứng cứ chứng minh chị N không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu K.

[3] Xét thấy hiện nay cháu K còn nhỏ tuổi, tính đến ngày xét xử phúc thẩm thì cháu K mới 25 tháng tuổi. Tại khoản 3 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Do cháu K còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, Hội đồng xét xử nhận thấy cấp sơ thẩm quyết định cho chị N có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Gia K, sinh ngày 26/5/2020 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Kháng cáo của anh Nguyễn Đức D là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Xét thấy, hiện nay anh D đang nuôi dưỡng cháu K, Tòa sơ thẩm quyết định chị N được quyền trực tiếp nuôi cháu K nhưng không buộc anh D có nghĩa vụ giao cháu K cho chị N nuôi dưỡng là có thiếu sót, không đảm bảo cho việc thi hành án sau này, đồng thời cấp sơ thẩm quyết định chưa đầy đủ về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con cũng như nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy cấp phúc thẩm điều chỉnh bổ sung cho phù hợp.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đức D; giữ nguyên quyết định bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2022/HNGĐ-ST ngày 05/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri (có điều chỉnh bổ sung về phần nuôi con chung theo nhận định nêu trên).

[7] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Đức D phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Đức D.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 01/2022/HNGĐ-ST ngày 05/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Văn Thị Ngọc N đối với anh Nguyễn Đức D. Chị Văn Thị Ngọc được ly hôn anh Nguyễn Đức D. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 13/11/2019 của Ủy ban nhân dân xã An Phú Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Văn Thị Ngọc N có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 26/5/2020. Buộc anh Nguyễn Đức D phải giao cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 26/5/2020 cho chị Văn Thị Ngọc N nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con

thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Văn Thị Ngọc N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007689 ngày 16/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Án phí chị N đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về án phí phúc thẩm:

Anh Nguyễn Đức D phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003737 ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Anh D đã nộp xong án phí phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại, các Điều 6, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I TANDTC;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký tên và đóng dấu)**

**Phạm Văn Ngọt**